

Phụ lục
 Kèm theo Báo cáo số 138 /BC-TTBVTV, ngày 20 tháng 9 năm 2022

Stt	Tên vùng trồng	Loại hàng hóa	Địa chỉ				Số hộ tham gia	Người đại diện	Diện tích (ha)	Sản lượng ước tính (tấn/năm)	Tình trạng SVGH	Biện pháp phòng trừ SVGH		Nhật ký đồng ruộng (Có/Không)	Chứng nhận GAP (ghi rõ nếu có)	Nước xuất khẩu	Thông tin bổ sung (nếu có)	Ghi chú
			Thôn	Xã/thị trấn	Huyện	Tỉnh						Các loại thuốc BVTV đã SD	Biện pháp khác					
1	2	3	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	17	18	19	20	21
1	HTX NN Nam Ban	Sầu riêng	TDP Chi Lăng 3	thị trấn Nam Ban	Lâm Hà	Lâm Đồng	06	Trần Văn Xuất	10,79	200	Tại thời điểm kiểm tra thực địa chưa phát hiện sinh vật gây hại	Tervigo 020SC Bamectin 5.55EC Movento 1500D	Sử dụng các biện pháp cơ giới làm cỏ, thu gom tàn dư thực vật	có	Sản xuất theo hướng VietGAP	Trung Quốc		
2	HTX trái cây VietGAP xã Đinh Trang Thượng	Sầu riêng	99 thôn 13	Đinh Trang Hòa	Di Linh	Lâm Đồng	16	Lưu Văn Thường	36,7	550	Tại thời điểm kiểm tra thực địa chưa phát hiện sinh vật gây hại	Tervigo 020SC Bamecti 5.55EC Movento 1500D Agri-fos 400SL Dovatracol 72WP		có	Sản xuất theo hướng VietGAP	Trung Quốc		